

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : 19/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	372740	Nguyễn Thị Mai Phương	3727	8	17	14	15	39	275	145	420	
2	382065	Lê Ngọc Tú	3820	8	12	14	14	81	240	400	640	10.0
3	392950	Bùi Công Duy Linh	CLC39B	9	25	24	26	92	465	465	930	10.0
4	392361	Trần Nhật Hạ	3923	10	25	26	26	80	480	395	875	10.0
5	391641	Đỗ Ngọc Diệp	3916	9	10	24	29	93	390	470	860	10.0
6	391668	Ngô Chu Anh	3916	8	26	26	24	77	465	380	845	10.0
7	392614	Trần Thị Hoa	3926	10	10	24	26	90	380	450	830	10.0
8	391761	Phạm Ngọc Duy	3917	7	25	25	23	78	440	385	825	10.0
9	392651	Nguyễn Thị Phượng	3926	6	16	15	13	90	250	450	700	10.0
10	392359	Lê Thị Hà My	3923	7	20	16	26	65	370	305	675	10.0
11	390460	Nguyễn Minh Hà	3904	7	20	12	15	80	275	395	670	10.0
12	390410	Nguyễn Thị Minh Thu	3904	3	12	9	11	98	160	495	655	10.0
13	390955	Phạm Hải Bình	3909	4	14	8	10	96	165	490	655	10.0
14	392825	Nguyễn Văn Lương	3928	8	20	14	18	67	315	320	635	10.0
15	392654	Hồ Hà Nhi	3926	6	12	18	15	75	255	365	620	10.0
16	392865	Nguyễn Thị Hân	3928	9	20	21	16	51	350	220	570	9.5
17	390401	Nguyễn Thị Thu Nhân	3904	7	13	18	10	68	240	325	565	9.5
18	392621	Đinh Bích Thảo	3926	9	23	17	18	48	360	200	560	9.5
19	392847	Dương Nguyễn Hà Anh	3928	10	16	11	10	67	230	320	550	9.5
20	390450	Nguyễn Công Thành	3904	8	16	16	5	67	215	320	535	9.5
21	392439	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	3924	5	17	11	10	67	200	320	520	9.0
22	392822	Lê Thị Ngọc Lan	3928	10	13	12	19	53	275	230	505	9.0
23	392467	Doãn Thị Tú Oanh	3924	6	15	21	15	47	295	195	490	8.5
24	390241	Mai Quỳnh Mai	3902	3	15	17	19	49	275	210	485	8.5
25	392722	Phạm Trần Phan	3927	3	18	12	10	61	200	280	480	8.5
26	392820	Phan Châu Sao Linh	3928	8	16	20	8	51	260	220	480	8.5
27	392509	Nguyễn Huy Hoàng	3925	10	11	11	14	57	220	255	475	8.5
28	391620	Lê Thị Huệ	3916	6	15	16	11	50	240	215	455	8.0
29	392610	Hoàng Thị Thu An	3926	5	12	19	18	42	275	165	440	
30	392108	Tào Quốc Huy	3921	7	8	9	9	61	145	280	425	
31	390428	Lê Trần Tuấn Anh	3904	8	21	9	18	37	290	130	420	
32	392104	Nguyễn Thái Hoà	3921	6	17	10	10	51	200	220	420	
33	392623	Hoàng Thị Thùy Linh	3926	6	16	14	6	51	195	220	415	
34	391880	Trần Thị Phương Linh	3918	5	16	6	14	51	190	220	410	
35	392518	Nguyễn Văn Phương	3925	9	12	22	22	26	345	65	410	
36	390456	Đỗ Thị Bích Lệ	3904	4	12	12	13	49	190	210	400	
37	391623	Nguyễn Thị Châu	3916	5	14	8	10	53	170	230	400	
38	392103	Hà Việt Hằng	3921	6	11	6	7	60	130	270	400	
39	392860	Hoàng Thu Trang	CLC39B	9	22	21	18	18	380	20	400	
40	391933	Lương Hà Trang	3919	4	14	9	13	48	185	200	385	
41	392854	Phạm Thị Minh Phương	3928	5	15	12	13	39	215	145	360	
42	392818	Vũ Thị Y Lan	3928	6	8	11	17	41	195	160	355	
43	390604	Đỗ Thị Tươi	3906	10	15	14	9	30	240	90	330	
44	391302	Hoàng Thu Hà	3913	5	13	13	8	40	180	150	330	
45	392839	Nguyễn Hoàng Minh	3928	6	13	10	12	31	190	95	285	
46	391610	Tạ Thảo Nhi	3916	4	15	9	10	28	175	80	255	
47	392112	Trần Thị Mỹ Duyên	3921	6	16	13	9	23	210	45	255	
48	390810	Bùi Thị Khánh Ly	3908	5	15	9	8	28	170	80	250	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

19/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	390206	Nguyễn Đỗ Ngọc Oanh	3902	5	10	9	11	20	160	30	190	
50	392109	Lâu Thị Phong Lan	3921	6	9	8	8	20	135	30	165	
51	390118	Bùi Thị Lệ Thủy	3901									
52	390238	Mai Huyền Trang	3902									
53	390463	Nguyễn Tá Sơn	3904									
54	390541	Vũ Thị Hằng	3905									
55	390638	Nguyễn Anh Đức	3906									
56	402224	Nguyễn Ngọc Linh	4022	10	30	28	26	91	495	455	950	10.0
57	402036	Lê Hương Quỳnh	4020	10	12	26	30	99	425	495	920	10.0
58	401418	Nguyễn Thị Thu Hà	4014	9	26	27	25	77	480	380	860	10.0
59	401411	Nguyễn Thị Ngọc Yến	4014	10	20	22	27	79	430	390	820	10.0
60	402728	Phạm Thị Thủy Ngân	4027	10	19	29	13	86	385	425	810	10.0
61	402213	Chu Mạnh Luân	4022	9	13	24	19	89	345	445	790	10.0
62	402226	Phạm Xuân Trường	4022	9	23	25	21	73	425	355	780	10.0
63	402244	Tăng Văn Hiện	4022	8	26	23	22	69	430	330	760	10.0
64	403346	Ngô Thị Quyên	4033	9	19	16	23	80	360	395	755	10.0
65	401121	Nguyễn Thị Phượng	4011	6	30	30	30	57	495	255	750	10.0
66	402572	Trần Thị Ngọc Tú	4025	9	17	14	11	98	255	495	750	10.0
67	403221	Trần Thu Thảo	4032	10	21	21	21	73	395	355	750	10.0
68	402231	Phan Thu Phương	4022	7	24	25	20	70	410	335	745	10.0
69	402704	Lê Hữu Tài	4027	9	27	29	22	59	480	265	745	10.0
70	401446	Vũ Hải Anh	4014	9	26	21	21	67	420	320	740	10.0
71	400533	Bùi Thị Hoàng Yến	4005	9	21	21	29	61	440	280	720	10.0
72	403242	Trần Ngọc Lam Giang	4032	9	27	23	15	67	400	320	720	10.0
73	403269	Vương Nguyễn Hoàng Yến	4032	9	26	19	15	72	370	350	720	10.0
74	400204	Trần Văn Phúc	4002	8	24	18	18	70	365	335	700	10.0
75	401022	Nguyễn Thúy Hiền	4010	10	25	22	16	64	395	300	695	10.0
76	401711	Vũ Thị Hương Giang	4017	10	9	22	21	75	325	365	690	10.0
77	400724	Bùi Mai Anh	4007	8	19	19	21	68	360	325	685	10.0
78	400532	Đào Thị Thanh Nga	4005	8	26	23	18	56	405	250	655	10.0
79	402719	Trần Minh Diễm	4027	10	19	20	17	65	350	305	655	10.0
80	403602	Hoàng Thị Tú Oanh	4036	10	21	23	17	59	385	265	650	10.0
81	400554	Nguyễn Thị Hương Ly	4005	10	19	19	29	50	420	215	635	10.0
82	402718	Nguyễn Thị Thủy	4027	6	17	19	17	68	310	325	635	10.0
83	403352	Bùi Hồng Duyên	4033	5	22	20	15	66	325	310	635	10.0
84	402044	Nguyễn Thị Kim Quý	4020	8	20	16	12	71	290	340	630	10.0
85	403345	Lưu Thu Trang	4033	9	23	19	18	58	370	260	630	10.0
86	402230	Vũ Thị Minh Hằng	4022	5	13	12	15	79	215	390	605	10.0
87	401426	Đàm Minh Hằng	4014	7	23	21	17	53	365	230	595	10.0
88	401650	Nguyễn Thị Vân Anh	4016	4	21	23	16	57	340	255	595	10.0
89	402731	Triệu Ngọc Mai	4027	10	17	10	16	68	270	325	595	10.0
90	401122	Nguyễn Thị Tiến	4011	9	17	16	20	59	325	265	590	10.0
91	403239	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4032	7	16	17	13	67	270	320	590	10.0
92	403341	Lương Việt Trinh	4033	7	23	17	17	55	340	240	580	10.0
93	402225	Trần Vân Anh	4022	6	25	21	15	50	360	215	575	10.0
94	403224	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	4032	5	12	29	21	50	360	215	575	10.0
95	402705	Trần Hải ánh Linh	4027	8	22	16	19	52	345	225	570	9.5
96	403420	Nguyễn Yến Hương	4034	5	18	19	16	60	300	270	570	9.5

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

19/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	400728	Nguyễn Bảo Ngọc	4007	6	19	18	14	59	295	265	560	9.5
98	401139	Nguyễn Thị Thu	4011	10	29	30	30	26	495	65	560	9.5
99	402711	Đặng Bích Vân	4027	6	25	13	21	50	345	215	560	9.5
100	400505	Đặng Thị Thùy Dương	4005	10	6	26	28	44	380	175	555	9.5
101	401643	Bùi Thúy Hồng	4016	7	16	20	16	54	310	235	545	9.5
102	402710	Nguyễn Thị Thùy Linh	4027	8	18	14	19	52	310	225	535	9.5
103	400536	Nguyễn Thị Lương	4005	6	20	17	13	55	290	240	530	9.0
104	401141	Nguyễn Tiến Đạt	4011	4	16	29	17	45	350	180	530	9.0
105	400614	Phạm Thị Ngọc Trâm	4006	6	18	13	16	56	270	250	520	9.0
106	402022	Nguyễn Thị Phương Anh	4020	9	17	15	16	52	295	225	520	9.0
107	402570	Ngô Thị Bích Sinh	4025	10	17	14	29	38	380	140	520	9.0
108	400236	Vũ Thị Minh Anh	4002	9	16	15	14	55	275	240	515	9.0
109	401035	Nguyễn Thị Linh Trang	4010	8	8	20	16	56	260	250	510	9.0
110	402237	Nguyễn Thuý Linh	4022	4	19	15	11	58	245	260	505	9.0
111	403344	Đỗ Thị Dung	4033	10	24	29	11	32	400	100	500	8.5
112	403360	Nguyễn Thúy Hằng	4033	9	18	14	17	48	300	200	500	8.5
113	401620	Nguyễn Thị Huyền Anh	4016	7	17	12	12	57	240	255	495	8.5
114	401239	Trần Hồng Minh	4012	7	20	11	18	48	290	200	490	8.5
115	402227	Đỗ Phương Thùy	4022	10	14	15	11	55	250	240	490	8.5
116	403357	Đỗ Thị Mỹ Linh	4033	9	14	27	10	44	315	175	490	8.5
117	403655	Đặng Thị Thường	4036	5	18	15	12	55	250	240	490	8.5
118	402345	Bùi Thị Quỳnh Trâm	4023	7	18	14	12	52	255	225	480	8.5
119	401031	Ngô Minh Hoàng	4010	8	23	12	15	44	300	175	475	8.5
120	401441	Nguyễn Văn Dương	4014	4	13	18	15	52	250	225	475	8.5
121	401255	Lý Thị Tuyết Nhung	4012	5	13	12	19	52	245	225	470	8.0
122	403427	Đào Thị Hồng Nhung	4034	9	16	17	16	43	300	170	470	8.0
123	401421	Trần Diệu Linh	4014	4	15	20	11	49	250	210	460	8.0
124	401430	Lý Thị Thu Hương	4014	9	16	11	10	54	220	235	455	8.0
125	401433	Lê Thị Bằng Giang	4014	4	11	10	17	58	195	260	455	8.0
126	402720	Trần Ngọc Mai	4027	9	16	11	12	50	240	215	455	8.0
127	402248	Triệu Linh Đan	4022	6	14	11	20	47	255	195	450	8.0
128	401252	Lao Thị Hồng Hoài	4012	7	7	8	13	62	160	285	445	
129	400932	Phạm Thu Huyền	4009	3	12	11	11	60	170	270	440	
130	401715	Phạm Thị Thu Trà	4017	7	14	11	7	58	180	260	440	
131	402236	Nguyễn Thu Yến	4022	6	14	17	6	55	200	240	440	
132	401113	Đoàn Thị Chinh	4011	5	14	11	9	57	180	255	435	
133	401771	Hoàng Diệu Hương	4017	5	12	23	14	41	275	160	435	
134	403657	Đoàn Thị Ngọc Mai	4036	7	18	16	12	42	270	165	435	
135	403601	Vũ Thị Minh Châu	4036	5	18	17	16	38	290	140	430	
136	400402	Lê Thị Hà	4004	7	18	11	16	42	260	165	425	
137	401247	Tống Văn Tài	4012	4	16	15	12	47	230	195	425	
138	401439	Bùi Thị Hà Trang	4014	10	12	13	10	49	215	210	425	
139	402241	Nguyễn Thị Hoa	4022	6	16	10	11	52	200	225	425	
140	402354	Phạm Thị Hương	4023	6	12	19	14	43	255	170	425	
141	401666	Nguyễn Thị Thùy Linh	4016	4	14	24	17	33	310	110	420	
142	402337	Nguyễn Thị Lụa	4023		15	13	16	49	210	210	420	
143	402415	Nguyễn Thị Thùy Trang	4024	5	9	16	10	54	185	235	420	
144	403652	Nguyễn Thị Phương Thảo	4036	6	18	15	12	42	255	165	420	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

19/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
145	400408	Lê Thị Nguyệt Hà	4004	10	13	10	12	48	215	200	415	
146	400542	Nguyễn Thị Kim Anh	4005	5	18	12	9	47	210	195	405	
147	401749	Hoàng Thu Hương	4017	6	14	16	16	39	260	145	405	
148	400262	Đỗ Thủy Trang	4002	10	11	8	11	50	185	215	400	
149	401124	Ngô Thị Phương Ngân	4011	4	13	23	14	36	275	125	400	
150	400213	Nguyễn Thị Ngọc Bích	4002	7	17	10	12	44	220	175	395	
151	400343	Nguyễn Xuân Quỳnh	4003	8	17	12	3	49	185	210	395	
152	401432	Nghiêm Thị Thơ	4014		15	11	16	47	195	195	390	
153	402234	Hà Thị Minh Phương	4022	5	8	10	16	49	180	210	390	
154	401002	Vũ Lê Việt Anh	4010	1	19	10	4	54	150	235	385	
155	401402	Nguyễn Thị Hương Giang	4014	2	14	11	13	48	185	200	385	
156	403263	Nguyễn Hồng Hạnh	4032	8	17	14	12	37	255	130	385	
157	400419	Nguyễn Thanh Quý	4004	5	12	13	13	45	200	180	380	
158	402254	Doãn Thị Thu Hường	4022	4	14	11	10	47	180	195	375	
159	400646	Phạm Hồng Nhung	4006	7	12	13	15	38	230	140	370	
160	403310	Trịnh Thị Thu Hà	4033	6	13	12	15	38	220	140	360	
161	403533	Lã Thị Trang	4035	4	12	11	17	40	210	150	360	
162	401435	Hoàng Tú Anh	4014	5	11	7	15	45	175	180	355	
163	402256	Nguyễn Thị Tình	4022	9	13	14	9	38	215	140	355	
164	402734	Vũ Thị Thùy Tiên	4027	6	12	7	15	42	185	165	350	
165	401407	Trần Hồng Ngọc	4014	4	14	14	5	44	170	175	345	
166	401462	Triệu Thị Quyết	4014	3	13	13	17	36	220	125	345	
167	403129	Lường Văn Đông	4031	6	14	19	13	29	260	85	345	
168	400512	Nguyễn Tường Vi	4005	5	11	7	7	49	130	210	340	
169	402562	Lê Thị Hồng Vân	4025	7	9	14	16	35	220	120	340	
170	403202	Nguyễn Thị Thùy Linh	4032	3	11	8	13	45	160	180	340	
171	401008	Trần Đình Mạnh	4010	5	15	13	13	34	220	115	335	
172	400518	Lê Tùng Linh	4005	5	16	10	8	40	180	150	330	
173	402741	Nguyễn Trung Dũng	4027	5	12	13	7	40	170	150	320	
174	402768	Bùi Thị Thu Uyên	4027	6	12	13	11	36	195	125	320	
175	400249	Nguyễn Thị Thu Hiền	4002	5	15	10	12	35	195	120	315	
176	401550	Nông Thị Sơn	4015	6	12	11	14	34	200	115	315	
177	401119	Bế Ngọc ánh	4011	5	10	9	15	36	180	125	305	
178	401546	Trần Uyên Chi	4015	4	14	14	12	31	210	95	305	
179	401258	Phạm Việt Trinh	4012	6	10	14	11	33	190	110	300	
180	401447	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	4014	7	15	10	9	33	190	110	300	
181	402353	Đàm Thị Thảo	4023	7	13	9	12	33	190	110	300	
182	402420	Hoàng Thị Thanh Trà	4024	5	13	12	15	29	215	85	300	
183	402470	Hoàng Thị Hải Vân	4024	6	13	12	12	32	200	100	300	
184	402717	Trần Phương Linh	4027	5	10	14	15	30	210	90	300	
185	400612	Phạm Văn Sơn	4006	6	15	10	12	31	200	95	295	
186	400207	Đỗ Thế Vương	4002	4	13	10	10	34	170	115	285	
187	400513	Nguyễn Thùy Trang	4005	4	11	18	10	29	200	85	285	
188	403616	Dương Thị Ngọc ánh	4036	9	12	10	10	30	190	90	280	
189	400610	Thân Ngọc Quang	4006	6	14	10	10	30	185	90	275	
190	403333	Phạm Thu Trang	4033	4	8	24	11	23	230	45	275	
191	403430	Dương Văn Tuấn	4034	5	14	10	15	26	210	65	275	
192	400801	Đỗ Thuỳ Duyên	4008	5	9	13	15	26	195	65	260	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : 19/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
193	402715	Đào Huy Hậu	4027	5	11	8	11	30	160	90	250	
194	402429	Ngô Thị Nhân	4024	1	12	10	4	35	115	120	235	
195	400206	Từ Văn Bắc	4002	4	13	9	8	25	150	60	210	
196	401205	Nguyễn Thị Mỹ Linh	4012	2	8	8	10	21	120	35	155	
197	401448	Nguyễn Hải Lê	4014	2	9	8	9	21	120	35	155	
198	401208	Phạm Thị Quỳnh Hoa	4012	2	10	7	4	17	90	15	105	
199	400250	Bùi Thị Thương Huyền	4002									
200	403353	Nguyễn Thị Nhung	4030B									
201	403541	Nguyễn Thị Hiền Châu	4035									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2017

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU